

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bé

Ông Lê Quốc Tiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân P, địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn B, sinh năm 1965, địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Văn Vũ L, sinh năm 1992. Địa chỉ: phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hải A, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông B có mặt; ông L, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đỗ Văn B là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/11/2017 Quỹ tín dụng nhân dân P có cho bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), mục đích vay: trồng thanh long, thời hạn vay: 14 tháng từ ngày 28/11/2017 đến ngày 28/01/2019, lãi suất vay trong hạn: 12%/năm, lãi quá hạn là: 18%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 313170916/HĐTD ngày 23/11/2017.

Sau khi vay vốn, bà P và ông A có trả dần nợ gốc và lãi đến ngày 29/8/2018 với số tiền là 5.997.000 đồng. Từ tháng 8/2018, bà P và ông A không trả nữa, Quỹ tín dụng nhân dân P đã đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Theo đơn khởi kiện, Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu bà P và ông A phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 18.471.000 đồng trong đó:

- Tiền vốn vay còn nợ là: 15.612.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn là: 780.000 đồng.
- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày 25/10/2019 là: 2.079.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 18.471.000 đồng. Lý do, vào năm 2018 bà P yêu cầu ly hôn với ông A, trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An hòa giải vụ án bà P đồng ý sẽ trả số tiền này cho Quỹ tín dụng nhân dân P (tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2018).

Tại văn bản ý kiến ngày 26 tháng 3 năm 2019 ông Bùi Văn Vũ L là người đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày: Ông thống nhất với số nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 15.612.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi. Ông yêu cầu chia đôi $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà P và ông A, mỗi người phải trả 8.307.750 đồng và đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân P không tiếp tục tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19 tháng 6 năm 2019 ông Huỳnh Hải A trình bày: Ông và bà P là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Vào năm 2017, ông và bà P có vay của Quỹ tín dụng nhân dân P 20.000.000 đồng, sau đó trả được số tiền là 5.997.000 đồng, hiện nay còn nợ 15.612.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi. Ông đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền là 5.000.000 đồng, số tiền còn lại đề nghị bà P phải trả vì hiện nay ông đang nuôi con nhưng bà P không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P phải trả toàn bộ số nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật vì khoản vay này bà P và ông A vay trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà P, ông A mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân P khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Huỳnh Hải A có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án theo lời trình bày của các đương sự và căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 313170916/HĐTD ngày 23/11/2017 có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 28/11/2017 Quỹ tín dụng nhân dân P có cho bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay: trồng thanh long, thời hạn vay: 14 tháng từ ngày 28/11/2017 đến ngày 28/01/2019, lãi suất vay trong hạn: 12%/năm, lãi quá hạn là: 18%/năm. Từ ngày vay cho đến nay, bà P và ông A chỉ trả được 5.997.000 đồng, sau đó không trả nữa bà P và ông A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn lãi theo hợp đồng tín dụng. Bà P, ông A thừa nhận có nợ Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền vay còn lại là 15.612.000 đồng và tiền lãi. Bà P đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ nhưng đề nghị không tiếp tục tính lãi vì vợ chồng đã ly hôn, ông A đồng ý trả 5.000.000 đồng vì đang nuôi con nhưng Quỹ tín dụng nhân dân P không đồng ý.

Xét thấy, bà P và ông A là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo bản án số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Số tiền bà P, ông A vay của Quỹ tín dụng nhân dân P là vay trong thời kỳ hôn nhân nên bà P, ông A phải có nghĩa vụ cùng trả nợ, Quỹ tín dụng nhân dân P chỉ yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 18.471.000 đồng theo biên bản hòa giải của Tòa án là không có căn cứ vì việc thỏa thuận này chưa được giải quyết bằng một quyết định hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án và ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P. Ông A đồng ý trả 5.000.000 đồng vì đang nuôi con là không phù hợp, vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông A có quyền yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận. Do đó, bà P, ông A mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân P có phần phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần buộc bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P $\frac{1}{2}$ số tiền vay và lãi là 18.471.000 đồng : 2 = 9.235.500 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà P, ông A mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A mỗi người phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: (9.235.500 đồng x 5% = 462.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền là 9.235.500 đồng (Chín triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng), trong đó:

- Tiền vốn vay còn nợ là: 15.612.000 đồng : 2 = 7.806.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn là: 780.000 đồng : 2 = 390.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày 25/10/2019 là: 2.079.000 đồng: 2 = 1.039.500 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Huỳnh Thị Hồng P, ông Huỳnh Hải A chưa thi hành hoàn tất số tiền trên thì bà P, ông A còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/10/2019 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Huỳnh Hải A mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 462.000 đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 415.000 đồng theo biên lai thu số 0001167 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

